TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 120/2024/HNGĐ-ST Ngày: 25 – 12 – 2024 V/v "Tranh chấp xin ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Cao Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Liêm.

Ông Nguyễn Văn Lịnh.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Kim L, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Ô, xã V, huyện N, tỉnh N.

- *Bị đơn*: Ông Trà Văn T, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Ô, xã V, huyện N, tỉnh N.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Kim L trình bày: Bà và ông Trà Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh N vào ngày 16/4/2021. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường thường xảy ra bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm, bà không còn khả năng lo kinh tế cho gia đình. Nay xét thấy không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trà Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 người con chung tên Trà Kim L, sinh ngày 01/01/2006 và Trà Kim T, sinh ngày 25/10/2019. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi

Trà Kim T, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.600.000 đồng. Đối với Trà Kim L đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hoà giải ngày 13 tháng 12 năm 2024 bị đơn ông Trà Văn T trình bày: Ông và bà Võ Kim L tự nguyện chung sống với vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh N vào ngày 16/4/2021. Trong quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, bà L tự ý bỏ nhà đi đến nay không về nhà. Ông xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 người con chung tên Trà Kim L, sinh ngày 01/01/2006 và Trà Kim T, sinh ngày 25/10/2019. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu nuôi Trà Kim T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với Trà Kim L đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

Bà Võ Kim L có mặt vẫn bảo lưu quan điểm: Yêu cầu xin ly hôn với ông Trà Văn T; yêu cầu nuôi con tên Trà Kim T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung bà và ông T tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Trà Văn T có mặt có ý kiến: Đồng ý ly hôn với bà Võ Kim L; đồng ý giao Kim T cho bà L nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung ông và bà L tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Kim L khởi kiện xin ly hôn với ông Trà Văn T, địa chỉ: Ấp Ô, xã V, huyện N, tỉnh N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Võ Kim L và ông Trà Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 vào ngày 16/4/2021, do đó hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp. Bà L trình bày trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, bà không còn khả năng lo kinh tế cho gia đình. Ông T xác định vợ chồng cũng có cự cãi nhưng là những chuyện nhỏ của gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa bà L và ông T là thực tế có xảy ra. Tại phiên toà hôm nay, bà L

vẫn cương quyết xin ly hôn với ông T, ông T đồng ý. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, do đó công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Võ Kim L và ông Trà Văn T theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà L và ông T có 02 người con chung tên Trà Kim L, sinh ngày 01/01/2006 và Trà Kim T, sinh ngày 25/10/2019. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi con, không yêu cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên toà hôm nay, ông T thống nhất giao Kim T cho bà L nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Kim T còn nhỏ rất cần sự chăm sóc từ người mẹ và từ khi ông T, bà L ly thân đến nay cháu Tiền sống cùng bà L. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống cũng như để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường về mọi mặt của cháu Tiền nên cần giao cháu Trà Kim T cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định. Đối với Trà Kim L đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

[4] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Võ Kim L phải nộp 150.000 đồng, ông Trà Văn T phải nộp 150.000 đồng. Bà L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015241 ngày 26 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được đối trừ, phần còn thừa bà L được nhận lại.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Võ Kim L và ông Trà Văn T.

Về con chung: Giao người con chung tên Trà Kim T, sinh ngày 25/10/2019 cho bà Võ Kim L nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng đương sự không yêu cầu xem xét. Đối với Trà Kim L, sinh năm 2006 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà L.

Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Võ Kim L phải nộp 150.000 đồng, ông Trà Văn T phải nộp 150.000 đồng. Bà L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015241 ngày 26 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được đối trừ, phần còn thừa bà L được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh N;
- UBND xã V, huyện N;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Dung